

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 718/2018/DS-PT

Ngày: 06/8/2018

V/v: Tranh chấp đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Nhung

Các Thẩm phán: 1. Bà Nguyễn Thị Huyền

2. Ông Lưu Trường Sanh

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Tuấn - Thư ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Kiên – Kiểm sát viên.

Ngày 06/8/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 215/DSPT ngày 17 tháng 5 năm 2018 về “Tranh chấp đòi tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 259/2018/DS-ST ngày 10/4/2018 của tòa án nhân dân quận A, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3172/2018/QĐPT-DS ngày 18/7/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Kiều Công C, sinh năm 1949

Địa chỉ: A9/20 Ấp 1, Xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện ủy quyền: Ông Đặng Bá P, sinh năm 1991 (Có mặt).

Địa chỉ: C12/30A Đường Số 5, Khu trung tâm hành chính Thị trấn N, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1949;

Địa chỉ: 511/45 đường R, Phường K, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thu N, sinh năm 1961 (Có mặt).

Địa chỉ: B25/18 Ấp 2, xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Trần Kim H – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn ông Kiều Công C và đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Đặng Bá P trình bày: Ông Kiều Công C có cho ông Nguyễn Ngọc Đ vay số tiền 305.000.000 đồng. Ngày 27/6/2011 ông Đ chết, ông Đ không có vợ con chỉ có người em tên là Nguyễn Thị B. bà B là người thừa kế duy nhất và hưởng mọi tài sản của ông Đ để lại nên ngày 28/3/2012 bà B có làm giấy xác nhận sẽ đứng ra thay mặt ông Đ trả hết số tiền ông Đ còn nợ ông C là 305.000.000 đồng. Thực hiện cam kết này vào ngày 27/11/2012 bà B đã trả được số tiền 100.000.000 đồng, còn nợ lại 205.000.000 đồng và cho đến nay vẫn không thanh toán thêm được số tiền nào. Do đó, ông C khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị B phải trả số tiền 205.000.000 đồng theo cam kết ngày 28/3/2012.

2/ Đại diện hợp pháp của bị đơn, bà Nguyễn Thị Thu N trình bày: Ông Nguyễn Ngọc Đ là anh trai của bà Nguyễn Thị B, trước đây ông Đ có vay của ông C số tiền 61.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng. Việc vay mượn này bà B không biết, đến khi ông Đ chết thì ông C liên tục đòi nợ và dùng áp lực ép bà B viết giấy cam kết trả số tiền 305.000.000 đồng. Tờ cam kết ngày 28/3/2012 do chính ông C đọc cho bà B viết. Ngày 27/11/2012 bà B đã cố gắng vay mượn người khác số tiền 100.000.000 đồng để trả cho ông C. ông C đòi nợ bà B vì cho rằng bà B là người thừa kế duy nhất của ông Đ. Quan hệ tranh chấp trong vụ án là yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại chứ không phải tranh chấp đòi tài sản. Căn cứ quy định tại Điều 645 của Bộ luật dân sự năm 2005 thì thời hiệu khởi kiện để yêu cầu người thừa kế thực hiện nghĩa vụ về tài sản của người chết để lại là ba năm, kể từ thời điểm mở thừa kế. ông Đ chết ngày 27/6/2011 đến tháng 9/2016 ông C mới khởi kiện là đã hết thời hiệu. Do đó yêu cầu Tòa án đình chỉ vụ án do đã hết thời hiệu khởi kiện.

Tại Bản án số 259/2018/DS-ST ngày 10/4/2018 của tòa án nhân dân quận A đã tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn ông Kiều Công C;

Buộc bà Nguyễn Thị B có trách nhiệm trả cho ông Kiều Công C số tiền 205.000.000 đồng (hai trăm lẻ năm triệu đồng).

Trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 16/4/2018 bà B có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm số 259/2018/DS-ST ngày 10/4/2018 của tòa án nhân dân quận A.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện của bà B không rút đơn kháng cáo, đại diện ông C không rút đơn khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện bà B trình bày nội dung kháng cáo: Bà yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C. Khoản tiền bà B ký ngày 28/3/2012 với ông C xuất phát nợ gốc là 61 triệu đồng từ năm 1997. bà B không giao dịch với ông C. Đây là vụ kiện về “Thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại”. bà B cũng đã trả ông C 100 triệu đồng. bà B viết cam kết trong hoàn cảnh bị ép buộc, ông C phải cung cấp các chứng cứ chứng minh nợ trong suốt quá trình giao dịch nếu không cung cấp được đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C.

Đại diện của ông C trình bày: Đề nghị Tòa y án sơ thẩm. Mặc dù trước đây ông Đ vay nợ, nhưng bà B đã đồng ý thay mặt gia đình cam kết trả thay cho ông Đ. Thực tế bà đã trả 100.000.000 đồng. Nay còn 205.000.000 đồng, đề nghị bà B trả nốt số tiền còn lại.

Tại phần tranh luận:

Luật sư của bà B trình bày: bà B có ký giấy cam kết ngày 28/3/2012 đối với ông C là vì tình cảm gia đình. Khoản tiền này là của ông Đ nợ ông C với số tiền gốc là 61.000.000 đồng từ năm 1997. Tờ cam kết này không đủ cơ sở xác định trách nhiệm trả nợ của bà B do bà B không trực tiếp tham gia giao dịch. Bên ông C không chứng minh được nguồn gốc số nợ 305.000.000 đồng nên bà B không có trách nhiệm trả nợ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn khởi kiện của ông C.

Đại diện của bà B trình bày ý kiến bổ sung: Tờ cam kết ngày 28/3/2012 bà B ghi có xuất phát tiền gốc là 61.000.000 đồng từ năm 1997. bà B viết là do bị ép buộc. ông C không chứng minh được số tiền giao tiếp. bà B đã trả 100.000.000 đồng. Do đó, bà B không có trách nhiệm trả nợ tiếp. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của bà B, bác đơn khởi kiện của ông C.

Đại diện bị đơn phát biểu ý kiến tranh luận: Yêu cầu khởi kiện của ông C là đòi tài sản. Sau khi ông Đ chết bà B đại diện cho gia đình cam kết xác nhận nợ của ông Đ là 305.000.000 đồng. Như vậy nghĩa vụ của ông Đ đã được chuyển giao. bà B cũng đã trả 100 triệu đồng, còn 205.000.000 đồng, Đề nghị Hội đồng xét xử y bản án Sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Tòa cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục, các đương sự được thực hiện đầy đủ về quyền và nghĩa vụ đơn kháng cáo và thời hạn đóng án phí của bà B trong thời hạn luật định nên có cơ sở xem xét về hình thức.

Về nội dung kháng cáo: bà B đề nghị chấp nhận đơn kháng cáo, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm bà cho rằng bị ép buộc nên ghi giấy cam kết trả số nợ trên là 305.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà B

không có chứng cứ chứng minh là do ép buộc. Thậm chí, sau khi ký cam kết bà B cũng đã tự nguyện trả cho ông C 100.000.000 đồng. Đại diện ông C trình bày nợ gốc 61.000.000 đồng và vay thêm một số nợ gốc tổng cộng 305.000.000 đồng nên bà B thay mặt gia đình xác nhận nợ. Như vậy, án sơ thẩm buộc bà B phải trả cho ông C 205.000.000 đồng là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên y án sơ thẩm theo Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Đơn kháng cáo và thời hạn đóng tạm ứng án phí của bà B làm trong thời hạn luật định nên có cơ sở xem xét về hình thức.

Xét nội dung kháng cáo của bà B và ý kiến tranh luận của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, Hội đồng xét xử thấy rằng: bà B kháng cáo cho rằng số nợ ông Đ vay ông C số nợ tiền gốc 61.000.000 đồng từ năm 1997. Sau khi ông Đ chết, do bị ép buộc nên bà B ký cam kết xác nhận còn nợ 305.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm bà B không có chứng cứ nào chứng minh cho sự ép buộc. Thậm chí sau khi viết cam kết bà B tự nguyện trả cho ông C 100.000.000 đồng. Số tiền còn lại là 205.000.000 đồng. Do đó, không có căn cứ xác định bà B bị ép buộc.

Ngoài ra, tại phiên tòa phúc thẩm luật sư của bà B cho rằng số nợ gốc là 61.000.000 đồng từ năm 1997. Vì tình cảm gia đình nên bà B cam kết thay mặt gia đình trả cho ông C nhưng chỉ trả trên số nợ gốc là 61.000.000 đồng. Thực tế là bà B đã trả 100.000.000 đồng nên coi như đã trả hết nợ. Hội đồng xét xử thấy rằng giao dịch giữa ông C và ông Đ xác lập từ năm 1997, có rất nhiều thỏa thuận trả gốc, lãi giữa các bên. Tuy nhiên, tại thời điểm ông Đ chết, ông C và bà B đại diện gia đình cũng đã xác nhận số tiền tổng cộng còn nợ là 305.000.000 đồng. Như vậy, trách nhiệm trả nợ của ông Đ đã được chuyển giao cho bà B. Và thực tế, bà B cũng đã tự nguyện trả ông C 100.000.000 đồng. Do đó, bà B không thể từ chối trách nhiệm của mình khi đã cam kết.

Tại phiên tòa, luật sư của bà B yêu cầu nguyên đơn cung cấp bản chính của giấy xác nhận nợ ngày 28/3/2012. Hội đồng xét xử thấy rằng bản chính đã được Tòa án cấp Sơ thẩm đối chiếu xác nhận. Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự xác nhận đã thanh toán cho nhau 100.000.000 đồng và còn lại 205.000.000 đồng. Do đó, yêu cầu này của luật sư Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử đồng ý với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, không chấp nhận đơn kháng cáo của bà B, y bản án sơ thẩm theo Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Các phần khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị nên giữ nguyên.

Án phí dân sự phúc thẩm: Do đơn kháng cáo của bà B không được chấp nhận nên bà B phải chịu là 300.000 đồng. Được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008195 ngày 17/4/2018 của Cục Thi hành án TP Hồ Chí Minh. bà B đã đóng đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 256 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự; khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị B.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Kiều Công C;

Buộc bà Nguyễn Thị B có trách nhiệm trả cho ông Kiều Công C số tiền 205.000.000 đồng (hai trăm lẻ năm triệu đồng). Trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại cơ quan Thi hành án có thẩm quyền.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị B phải nộp số tiền là 10.250.000 đồng (mười triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng).

Hoàn lại cho ông Kiều Công C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.125.000 đồng (năm triệu một trăm hai mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011556 ngày 03/11/2016 của Chi cục thi hành án dân sự quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Án phí dân sự phúc thẩm: bà B phải nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng). Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008195

ngày 17/4/2018 của Cục Thi hành án Thành phố Hồ Chí Minh. Bà B đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền nêu trên cho đến khi thi hành án xong thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND TC
- TAND CC tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Chi cục THADS Q. A;
- TAND Q.A;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT (T/20).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Nhung